

HAMVAS BÉLA

Nguyễn Hồng Nhung *dịch từ nguyên bản tiếng Hungary*



NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

Niềm cảm hứng

HAMVAS BÉLA

NIỀM CẢM HỨNG

Nguyễn Hồng Nhung dịch từ nguyên bản tiếng Hungary

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

NIỀM CẢM HỨNG || HAMVAS BÉLA

Bản tiếng Việt © Nhà xuất bản Tri thức.

Cuốn sách được xuất bản theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Nhà xuất bản Tri thức và Mr. Antal Dúl.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử mà không có sự cho phép của NXB Tri thức là vi phạm luật.

Száz Könyv // Hamvas Béla

Copyright © Hamvas Béla öököse

All rights reserved.

Mục lục

1.	7
2.	14
3.	20
4.	26
5.	30
6.	36
7.	40
8.	47
9.	52
10.	58
11.	66
12.	71

1.

Con người nhận được những cuốn sách thiêng trên con đường thể hiện nó. Như mọi khái niệm cơ bản của truyền thống, khái niệm Lời Tuyên Bố cũng trở thành nạn nhân của các giáo phái hoặc của chủ nghĩa duy lí, vì thế cũng trở thành nạn nhân của trí tưởng tượng hoặc sự phủ nhận.

Nếu truyền thống bị đứt, hai nghĩa của khái niệm Lời Tuyên Bố luôn luôn bị sự vô luật xâm nhập, đây là tính chất cường điệu hóa hoặc nhở nhen hóa, đây là chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tập thể trong cộng đồng, là sự hời hợt bè ngoài và sự bỉ ổi trong đạo đức. Khi thiếu chuẩn mực: không có luật, không có trật tự cộng đồng, không có đạo đức và không có tri thức.

Với một kẻ đứng ngoài truyền thống, để hiểu sự nhạy cảm đối với Lời Tuyên Bố như một trạng thái sống động của truyền thống vừa dễ lại vừa khó. Dễ, bởi trong việc: một ai đấy dự phần vào

NIỀM CẢM HỨNG

sự thể hiện, không có gì siêu phàm. “Ta đã hiểu - một nhà thông thái Trung Hoa nói - trên con đường lớn không có gì bí ẩn”. Nhưng khó, bởi trong tự nhiên đạt tới sự thể hiện cần một nỗ lực gắng sức phi thường. Nói chung sự thể hiện khó không phải vì nó bất thường mà vì cần phải tranh đấu.

Lời Tuyên Bố dành cho kẻ tạo dựng mối quan hệ với các vòng siêu nhiên của sự sống. Mỗi quan hệ được tạo dựng phần lớn là kết quả của một thực hành dài lâu. Trong mọi trường hợp đó là một trạng thái đòi hỏi sự toàn tâm toàn ý của con người khi hòa vào sự Đồng Diệu một cách có ý thức với các vòng siêu nhiên.

Nhưng nó không phải là trực giác, không là cảm hứng, cũng không phải một ánh chớp vụt qua, bởi vì dù có quan hệ họ hàng với tất cả những điều này, nhưng sự đồng điệu không vô luật, không nồng nỗi và không ngẫu hứng.

Trong sự đồng điệu con người không đánh mất nhận thức mà trái lại. Cơ cấu tri thức của con người không bị lỏng lẻo, trình độ không bị hạ thấp mà con người thực ra trở nên cứng rắn hơn và được nâng lên cao hơn. Cần phải gọi là sự đồng điệu bởi vì trong âm thanh, quyền lực siêu nhiên tác động đến tạo dựng thiên nhiên. Bởi

vậy âm nhạc có ý nghĩa lớn trong mọi truyền thống.

Bởi vậy từ Trung Quốc, qua Judea (xứ Giudea) đến tận Mexico kẻ dự phần vào Lời Tuyên Bố được coi như kẻ được truyền cho chứ không phải kẻ thấy. Và bởi vậy sức mạnh thật sự của truyền thống đã chấm dứt trong thời kì người ta bắt đầu biết viết lại những lời dạy dỗ, bởi vì bản chất của sự dạy dỗ là truyền qua âm thanh sống.

Nhìn là bộ phận của không gian và chỉ lan truyền đến giới hạn của không gian. Nghe là của thời gian, và có thể nghe vượt thời gian. Cái con người thấy chỉ là các lớp phủ, như kinh Kabbala từng nói, là vỏ ngoài của sự vật: còn cái vang lên, vô hình.

Nếu ai đó nói rằng sự đồng điệu của Lời Tuyên Bố là các mức độ của nhập định Brahman, nếu đúng vậy, con người không biết nhiều hơn. Về sự đồng điệu Gúenon cho rằng đây là *état primordial*, hay đây là trạng thái của con người trong buổi bình minh của mọi cái đầu tiên.

Đây là sự nhạy cảm, để ngỏ về hướng siêu nhiên. Đây là nền tảng cơ bản. Nhưng đừng để nhầm lẫn, cần nói ngay, đây cũng là trạng thái cuối cùng của con người trong MÔT, và hai điều

NIỀM CẢM HỨNG

này có quan hệ với nhau như cái đầu tiên và cái cuối cùng, là bản năng khởi hành và mục đích, là thiên đường và Jeruzalem Mới, là vườn và thành phố, là thời hoàng kim và chân phúc.

Trở thành trẻ sơ sinh và trở thành nhà thông thái là như nhau - theo Lão Tử. Nhưng cũng cần nói thêm sự đồng điệu không chỉ đạt được trong buổi ban đầu và cuối cùng của mọi thời gian. Nền tảng cơ bản (*état primordial*) có trong tất cả mọi người, trong tất cả mọi giây phút, tại nơi đây. Nền tảng cơ bản có thể hiện thực hóa trong bất kì khoảnh khắc nào.

Trang Tử coi thường kẻ bám vào quá khứ, nhưng cũng coi thường kẻ chỉ hào hứng với tương lai. Việc hiện thực hóa nền tảng cơ bản không phụ thuộc vào thời đại. Đạo luôn luôn có ở thời hiện tại.

Điều kiện của sự đồng điệu là tâm trạng phẳng như gương rất khó đạt tới, ở Trung Quốc cũng như ở Ấn Độ gọi là *vidja* (sự tỉnh táo), còn sự bất ổn của một đời sống hư hoại tản mạn gọi là *avidyā* (sự mê muội - vô minh). Trong trạng thái mê muội không thể hiện thực hóa nổi sự đồng điệu. Trong nhiều nhương của vòng quay tròn bất ổn tản mạn - *samsara* luân hồi con người không thể đạt tới bất cứ một trạng thái tinh thần cao cả nào.

Trọng tâm của con người trong vòng quay tròn đó cũng không phải là bản chất đích thực của sự sống mà chỉ là một hạt mầm nảy sinh từ một quá trình sinh học, tâm lí học và xã hội học hoặc từ các chất cặn hóa học, hạt này biến đổi không ngừng nhưng tan vỡ trong cái chết, bởi vì sau cùng nó không là gì khác ngoài một trạng thái thèm khát đói sống tập trung lại.

Đạo Phật dạy rằng, cái Tôi con người hình thành từ các dục vọng từng trải và đậm đặc hóa từ các bản năng, các khát vọng và các thèm muốn, là cái bám chặt lấy thế gian một cách điên rồ, luôn luôn quay trở lại đầu thai bắt buộc vào thân xác trong nỗi khát muôn uổng hết biển đói sống, khi con người ngày càng khát và càng trở nên khát hơn.

Như thể đây là một điều ích kỉ bởi mọi khoái cảm và sự háo hức cuốn con người vào nó. Nhưng trong sự ích kỉ vẫn cứ có một cái gì đó chung thủy thảm hại, tia lửa của tình yêu thương mất trí với bản thân.

Thèm khát sống không là gì khác ngoài một bản năng quá gắn liền với bản thân để hút vào bản thân đến giọt cuối cùng của đói sống một cách tham lam. Bản năng này được Orpheusz, muộn hơn linh mục Maximus Confessor đặt tên là *pathē*.

NIỀM CẢM HỨNG

Ở Ấn Độ gọi là *kāma*, Böhme gọi là *Gier*. Đây là thực thể thèm khát đói sống mà Vedanta gọi là *jīva*.

Gần đây người ta thử giải thích sự bất ổn tản mạn này theo tâm lí học, đặt tên nó là *extraversio* (hướng ngoại), trái ngược với *introversio* (hướng nội), nhưng sau đó khi lí thuyết này tỏ ra quá áu trĩ, người ta đưa nó vào trung điểm thành *centroversio*. Nền tảng của lí thuyết này sai lầm.

Hướng ngoại không có nghĩa là sự bồn chồn, tản mạn ra thế giới bên ngoài, và hướng nội không có nghĩa là sự bình yên và tập trung. Thực thể người quay đều đặn vào trong và ra ngoài, hướng về trọng tâm, về ánh sáng, vào sự tối tăm và ra ngoài trọng tâm. Một dương, một âm, một nhân.

Con người quay về hướng nào không quan trọng, mà quan trọng là sự thèm khát sống ngự trị nó hay nó ngự trị trên nỗi thèm khát sống. Như trong mọi trường hợp, lối tư duy duy lí không biết gì hơn ngoài tạo ra các loại tính cách khác biệt nhau, cùng lầm giữa các cực đoan tạo ra một khả năng cân bằng nào đấy.

Trong truyền thống, *jīva* - loại người bất ổn tản mạn trong sự thèm khát sống không là thực thể nào khác ngoài chính là *ātman*, trạng thái tinh táo và bằng phẳng như gương. Hai mặt này

không bài trừ lẫn nhau. Giữa *Jīva* và *Ātman* có sự khác biệt về mức độ.

Jīva là một con người trong sự hào nhoáng đa màu sắc của thế gian, không biết làm gì hơn ngoài việc chấp nhận tất cả những gì đưa lại cho số phận nó một cách mù quáng, đờ đẫn mê muội trong phù hoa của ảo ảnh cuộc đời, và nó mù quáng hưởng thụ, lãng phí tài sản tinh thần.

Ātman là con người biết hâm phanh sự thèm khát đời sống, dập tắt những quyền rũ trọng tâm (*patha, kāma*) và biết rằng sức quyền rũ của thế gian ảo ảnh sẽ mất nếu biết sử dụng các mức độ cao hơn của sự sống. Siêu hình học Ấn Độ cho rằng con người trong trạng thái rơi tự do trên thế gian sẽ biến thành kẻ mộng du đờ đẫn lang thang (*avidja*) nhưng rồi nó sẽ thức tỉnh (*vidja*).

Trở nên đồng điệu với Lời Tuyên Bố chỉ có nghĩa như sau: thực hiện nền tảng cơ bản, như trở thành đứa trẻ sơ sinh thông thái, nghĩa là trở nên tinh táo, tắt nỗi thèm khát sống, bước ra khỏi vòng luân hồi, chấm dứt sự thèm khát.

Đây là trạng thái để hiểu thì dễ, bởi trong nó không có gì là siêu nhiên: “Trên con đường lớn không có gì bí hiểm”. Nhưng đây cũng là trạng thái khó đạt bởi đạt tới nó đòi hỏi một nỗ lực tinh thần lớn nhất.

NIỀM CẢM HỨNG

2.

Vì Lời Tuyên Bố là bản án không điều kiện trên đầu con người, nên cần hiểu con người có thể đạt tới cái gì chính là điều quan trọng nhất.

Cái xảy ra trong thế giới tự nhiên không là gì cả. Nhưng ngay cả điều này nếu muốn hiểu ta sẽ thấy đây là một dạng hình đã bị tha hóa ít nhiều so với dạng hình gốc, bởi hình ảnh cỏ đúng, trong nó thể hiện cái vô hình: sự nhận thức.

Con người chỉ có thể biết về toàn bộ hiện thực bằng con đường nhận ra (cái gọi là) "Lời Tuyên Bố - sự thể hiện". Rằng: không có cái gì ngẫu nhiên, chẳng có sự bắt buộc, cũng không hề có đức tin xấu cố ý, như người ta thường nói bị giới giáo sĩ đánh lừa. Bằng chứng nằm ngay trong nhân tố, rằng con người luôn luôn thừa nhận giá trị của lời tuyên bố trên đầu họ và những kẻ chối bỏ nó trong cá nhân lẫn trong mọi thời đại đều là những kẻ vô giá trị.

Rõ ràng có thể thấy ngay lập tức, con người nhận được Lời Tuyên Bố từ vòng siêu nhiên. Và rõ ràng cũng có thể thấy ngay lập tức, những ai sống trong sự bất ổn, đầy vọng mộng không có khả năng chấp nhận Lời Tuyên Bố từ những

vòng siêu nhiên cấp cao hơn. Sự đói khát, thèm khát và sự đồng điệu luôn bài trừ lẫn nhau.

Nhưng hãy cần vô cùng thận trọng. Mọi khái niệm của chúng ta đều là nghịch lí. Không gì dễ hơn việc nhầm lẫn trong đời sống. Và cách thức nhầm lẫn phổ biến nhất chính là sự rối loạn của ngôn từ.

Böhme đặt tên cho Tinh Thần Thiêng là *heilige Gier*, nghĩa là sự thèm khát ma thuật. Đời sống không có nếu thiếu nỗi thèm khát, không có kinh tế, không có sự rạng ngời cùng niềm vui. Nhưng cũng không có sự thèm khát nếu thiếu khát vọng về những gì cao hơn, khát vọng khiến con người coi thường những thứ thấp hơn và khao khát thực hiện những điều cao cả hơn.

Thứ trạng thái Gúenon gọi là *état primordial* chính là: nền tảng cơ bản. Đây là trạng thái gốc của nhân loại và chắc chắn có họ hàng với sự đồng điệu hòa hợp cùng Lời Tuyên Bô.

Khi con người nghe thấy Lời Tuyên Bô, Gúenon viết, là lúc nó dự phần với sự kết nối giữa Trời và Đất, ở dưới nghe thấy ở trên nói gì. Đây là trạng thái bình thường của con người. Đây là sự tinh táo, sự tinh thức (*vidja*).

Kẻ mộng du không là ai khác ngoài vẫn là con người đó, vì sống trong một sự tinh táo đã

NIỀM CẢM HỨNG

suy thoái nên nó không nghe thấy Lời Tuyên Bố. Trong trạng thái mộng du, nền tảng cơ bản không mất đi mà chỉ vì nhận thức của con người suy giảm nên con người không nhận ra nó.

Tìm sự tỉnh táo, thức tỉnh không phải là vấn đề của học hành sách vở. Trong thế giới hiện đại ngày nay không có những bước đi phù hợp để tìm thấy sự tỉnh thức. Ngày nay người ta chỉ biết học, cùng lầm biết đến sự giáo dục.

Nhập định không là gì khác ngoài việc bình thường hóa ý thức đã bị suy thoái của sự tỉnh táo, tỉnh thức. Là cách thức hiện thực hóa nền tảng cơ bản trong mọi con người, mọi thời đại. Là việc chấn chỉnh lại sự thoái hóa, hay dùng từ khác là cách hiện thực hóa lại trạng thái nguyên sơ. Đây là điều trong thời hiện đại người ta đã quên mất, chỉ vì không thực hiện nổi.

Sự thay đổi cơ cấu ý thức không phụ thuộc vào kiến thức và học hành. Thu thập kiến thức và học hành chỉ cần đến tài năng, và bằng tài năng chỉ dẫn đến một cá nhân ngoại lệ. Kiến thức thực chất không dẫn đến bất kì đâu dù kiến thức lớn đến mấy, thậm chí kiến thức càng lớn sự hiểu biết càng ít.

Bởi vậy có thể có những kẻ mang một số lượng kiến thức khổng lồ nhưng vẫn là một con

người hạ đẳng. Số lượng và chất lượng kiến thức lớn đến đâu cũng không có tác dụng chuyển đổi ý thức.

Sự hiện thực hóa thực ra giống như đạo đức, bởi vì một kẻ muôn sống một đời sống có đạo đức không cần kiến thức mà cần sự quyết định.

Kiến thức mang tính chất ngoại lệ và cá nhân, còn đạo đức mang tính chất tổng quát và bắt buộc cho tất cả mọi người.

Những văn bản của truyền thống điều chỉnh từng bước ý thức bị hư hoại từ mọi sự truyền bá kiến thức đủ các thể loại và đánh thức con người khỏi tình trạng mộng du, để đưa họ đến một quá trình chuyển hóa như thế nào đấy.

Đạo Đức Kinh và Trang Tử đưa con người đến quá trình chuyển hóa này, ở người Hi Lạp là Orfika, ở người Do Thái là Kabbala, ở người Arập là Sufi, nhưng trước hết và cao nhất là yoga Ấn Độ.

Đây là sự thanh toán từ từ những rối loạn bất an một cách có phương pháp và là sự ngăn chặn những biến đổi tư tưởng (*citta-vytti-nirodhah*).

Đây là sự trấn an các xúc cảm và các hành động. Để giữ linh hồn trong tĩnh tại. Như Đạo đã dạy, tâm trí cần như mặt hồ phẳng lặng, để có thể đọc một cách rõ ràng những chỉ dẫn của sự sống siêu nhiên từ trên cao.

NIỀM CẢM HỨNG

Đây là thứ mà con người không thể đạt tới bằng học tập, bằng kiến thức và bằng sự giáo dục. Đây là thứ không cần đến tài năng, là thứ ai cũng có thể đạt tới, bởi trong mỗi con người đều gìn giữ một nền tảng cơ bản và một ý chí để thực hiện nó, nhưng cũng là thứ dễ bị lu mờ và bị phá vỡ nhất, dễ lung lay và dễ rối loạn nhất.

Patandzsali cho rằng bước đầu tiên chính là kỉ luật đạo đức. Không làm hại ai, không nói dối, không ăn cắp, không chống lại các nguyên lí, không tích lũy. Đây là sự trong sạch, sự thỏa mãn, sự hiến dâng, sự chuyên cần đọc sách thánh hiền, sự phục vụ thánh thần.

Cùng với những điều này một tư thế ngồi đúng, sự điều chỉnh hơi thở đúng, sự dập tắt các xúc cảm bản năng, sự tập trung tư tưởng, trạng thái thiền định giúp con người đi về hướng thực hiện nền tảng cơ bản.

Nếu không thực hành những điều trên, việc thực hiện nền tảng cơ bản là không thể. Mọi tia cảm hứng bất chợt lóe lên đều bấp bênh, không chắc chắn. Kẻ trở nên vững chãi - Yoga-sutra tuyên bố - là kẻ thực hành không ngừng nghỉ và có phương pháp.

Chấn chỉnh lại cơ cấu ý thức thể hiện bằng ngôn từ không khó. Quá trình bình thường hóa

này không là gì khác ngoài việc tôi là người cầm lái, điều chỉnh những nỗi thèm khát đói sống (*pathé, kama, Gier*) đang bức bách ngự trị trên đầu tôi. Hoặc sự thèm khát đói sống (*trsṇā*) ra lệnh cho tôi hoặc tôi ra lệnh cho nó.

Nếu để nỗi thèm khát đói sống ngự trị trên tôi, tôi cần phải làm những điều bản năng hoang dã đói hỏi, tôi cần vội vã và bầu víu, bởi dù chỉ trong một khoảnh khắc nhưng nó đói hỏi rất nhiều thứ, tôi cần bị bấn loạn, bởi lúc nào cũng chỉ là khao khát, vọng ước và đam mê, tôi cần luôn luôn vội vã để đừng bỏ qua bất cứ cái gì, cần tích góp, lo lắng, cần hù họa, sợ đói, sợ khát sau những tham vọng về mục tiêu, quyền hành, danh hư, đói sống sung túc và sự nhàn hạ, những thứ mà bản năng của tôi ngốn ngấu.

Nhưng nếu tôi ra lệnh, vẫn sự thèm khát đó sẽ giúp tôi bằng sức mạnh của nó mở ra tất cả các ổ khóa, phô bày mọi bí ẩn giấu giếm và cho tôi khả năng và đạt tới khả năng hiểu chúng ở mức độ cao nhất. Bởi vậy theo Böhme, sự thèm khát là sự chỉ dẫn liên tục của Tinh Thần Thiêng.

Chuyển đổi cơ cấu ý thức cũng là một vấn đề cấu trúc. Bởi vì một quyền lực có quy tắc sẽ trực tiếp ngự trị trên sự hỗn loạn.

NIỀM CẢM HỨNG

Truyền thống Orpheus Hi Lạp dựa trên nền tảng này. Đây là nguyên lí chính của nghệ thuật. Đây là ý nghĩa của cái Đẹp. Là thế gian mà cái tiếp theo của nó, như Solovjev tuyên bố là vẫn đề tạo dựng tác phẩm. Trật tự, tỉ lệ và tư tưởng của mức độ chỉ đạo sự tạo dựng này.

3.

Hiện thực hóa sự tinh táo là một quá trình kĩ thuật. Một quá trình: kĩ thuật-niềm cảm hứng.

Cảm hứng (*ekstasis*) chỉ có nghĩa chừng này: ở ngoài. Con người ở ngoài sự rối loạn bất an, và bước ra khỏi cái TÔI vốn lại thành tảng khó tháo gỡ từ những hợp chất hóa học cặn bã, thứ chồng chất sau nhiều lần luân hồi và chiếm mất vị trí của cái TÔI đích thực trong con người.

Đây là sự tồn tại bên ngoài trạng thái vật vờ và vòng quay tròn vô nghĩa của thế giới bên ngoài.

Hướng của niềm cảm hứng (*ekstasis*) không đi theo vòng quay tròn tự nhiên mà vuông góc với đời sống. Trong vòng quay cao hơn của đời sống thực ra luôn luôn mang tính chất cảm hứng, thăng hoa, là chất liệu để sáng tạo nghệ thuật, là tư tưởng, là việc trải qua niềm vui tạo dựng tác

phẩm, là việc đọc, là sự học tập, là tình yêu, sự chiêm ngưỡng, là âm nhạc, vũ điệu, là sự hành hương, là lời cầu nguyện.

Trạng thái mê man-vô minh sở dĩ có vì đời sống người cho con người ít cảm giác thăng hoa hơn mong muốn của nó. Trạng thái vô minh là trạng thái đứng ngoài sự việc một cách nhân tạo trong khan hiếm tất nhiên của cảm giác thăng hoa. Có một hành vi uống mang tính chất ma thuật: uống rượu. Bởi vậy Dionüsos của Orfika là thần cảm hứng, là vị thần của rượu.

Nhưng với rượu con người không muốn gì hết, chỉ muốn tận hưởng hết đời sống, bởi vậy chỉ còn lại ấn tượng. Và điều này không liên quan gì đến sự nhập định, bởi nó không phải niềm cảm hứng, sự thăng hoa mà chỉ là sự đờ đẫn.

Kĩ thuật-cảm hứng cổ khiến đời sống trở nên có ý thức hóa trong mọi chặng đường của đời sống, thường xuyên hóa các mức độ tiếp cận cao hơn và trong bất kì khoảnh khắc nào cũng có thể đạt tới và hiện thực hóa được mức độ này.

Trong cảm giác thăng hoa đơn thuần (ví dụ uống rượu) con người đúng là đã đánh mất cái TÔI của nó, nhưng khi cảm giác “bên ngoài” này qua đi, nó lại rơi xuống đúng vị trí nó đã từng đứng. Không hơn.

NIỀM CẢM HỨNG

Còn trong niềm cảm hứng của sự nhập định, cảm giác “bên ngoài bản thân” có nghĩa là con người bước ra khỏi cái Tôi đời sống (*Jīva*) và hiện thực hóa cái Tôi cao hơn (*Ātma*) và cũng đúng y chang ở mức độ ấy.

Yoga Patandzsal là một kĩ thuật-cảm hứng cũng giống y như Đạo hoặc Sufi hoặc Kabbala.

Trạng thái thăng hoa của đời sống không mong ước gì khác ngoài cảm giác bay bổng tự do thử làm mắt đi cái Tôi đời sống. Còn niềm cảm hứng của yoga, Sufi và Orfika muốn tạo sự thống nhất đồng thời giữa việc đánh mắt cái Tôi và hiện thực hóa một cái Tôi cao hơn. Từ “Yoga” thực chất mang ý nghĩa: sự hợp nhất, giống như từ *henosis* của Hi Lạp và *jihad* của Do Thái, *ittihad* của Arập.

Orpheus dạy rằng thế giới của Eros (Tình Yêu) ra đời đầu tiên (*eros protogenos*). Trong buổi tạo dựng ban đầu Eros đứng đó, duy trì tất cả trong sự cân bằng và sự thống nhất và kết nối lại những gì bị rải rắc đi, đối địch nhau, và dẫn dắt mọi người quay trở lại với nhau. Eros là thần hộ mệnh của tất cả, là điểm trái ngược lớn nhất, là con trai của Trời và Đất.

Eros, ngày nay như người ta nói, là nguyên lí cơ bản mang tính chất vũ trụ học, vật lí học,

nhân chủng học và xã hội học. Cái người Hi Lạp gọi là chủ nghĩa enthusiasmos - niềm cảm hứng ngoài bản thân mình, chỉ có nghĩa như sau: cảm hứng tính dục nhất quán bùng nổ trong con người và làm con người gắn chặt nó vào đó. Sự thể hiện của niềm cảm hứng này là vũ điệu, thi phẩm và âm nhạc.

Ở nơi nào có nghệ thuật, nơi đó có sự phổ quát Thượng Đế (*epiphania*), giống như trong điêu khắc, trong kiến trúc, trong hội họa và trong những nơi chứa đựng một trật tự và một tỉ lệ, mức độ, luật, giống như trong một đạo đức thầm nhuần, trong một xã hội trật tự hóa, trong khoa học siêu việt và đặc biệt trong thần số học và hình học. Nhưng tất cả những điều này đều không do con người tạo dựng.

Con người tạo dựng cái sau cùng, khi linh hồn ca hát trong niềm cảm hứng tính dục (*thūmos aoidés*) được tạo dựng, và nếu con người nhầm lẫn, dao động và làm hỏng bản thân, cái đẹp chính là sự thanh tẩy nó.

Và thế giới trong sự vẹn toàn của chính nó, cái tư tưởng, nền triết học thấu suốt sự thật đến tận đỉnh cao nhất của linh hồn con người này, Orpheus gọi là sự thăng hoa và niềm cảm hứng (*mania te kai bakheia*), đây là thứ âm nhạc cao cấp

NIỀM CẢM HỨNG

nhất (*megiste mousike*). Đây là cấp độ cao nhất của eros (tính dục). Sự thông thái, sự khôn ngoan chỉ có nghĩa như sau: trở thành tình nhân trong thông thái.

Sự thăng hoa: *methé*. Sự thèm khát đói sống: *pathé*. Ta không nhận biết thế gian bằng trí óc, mà bằng sự thăng hoa (*methé*). Sự thăng hoa-methé này là một đối kháng chính xác với sự thèm khát đói sống-*pathé*.

Pathé là cái làm méo mó, làm tách rời, cái phân biệt và làm náo loạn, là cái lộn xộn, mờ mịt phi trật tự, là đam mê mù quáng và nổi loạn. Từ *pathé* không dẫn đến đâu thậm chí đánh mất luôn cái ta đang có. *Pathé* không phải là sự thăng hoa mà là sự lịm dần đi. Nghĩa là bị rối loạn trong đa tạp. Con người đánh mất trí khôn trong ảo ảnh.

Và *pathé* cũng là một đam mê lạnh lẽo. Là cảm hứng lạnh lùng. Trong nó không có lấy một giọt eros-tình yêu. Đây là một sự thèm khát điên rồ. Chỉ mang ngần này ý nghĩa: phục vụ cho một sự phân vân, do dự, một thứ tản mạn vụn vặt và dao động, trong nó không có sự thống nhất, sự thường xuyên và định hình, nó là thứ bốc hơi và phân tán.

Trạng thái lịm dần đi cũng là một cảm hứng nhưng không lên cao mà là thứ cảm hứng phân

tán vào vô hướng. Phần lớn các chất ma túy là chất xúc tác làm lịm dần. Con người tự thả lỏng mình, nhảm măt đưa mình vào một sự vô nghĩa.

Sự thăng hoa đưa toàn bộ khả năng nhận thức của con người lên một mức độ năng lượng cao hơn. Còn trạng thái lịm dần kìm nén con người lại, làm họ trở nên yếu đuối, câm lặng và bị bóp nghẹt.

Sự thăng hoa làm con người hợp nhất với những người khác và với cả thế gian. Sự lịm dần phân tán con người vào các phi hiện hữu. Sự thăng hoa tăng mức độ tinh táo còn sự lịm dần làm giảm mức độ tinh táo.

Hãy cẩn thận trọng hết sức. Vì mọi khái niệm của chúng ta đều đa lí lẽ. Không gì dễ hơn sự nhầm lẫn và phương pháp nhầm lẫn dễ nhất là sự rối loạn ngôn từ.

Sự đồng điệu đưa ta tiếp cận với tổng thể của thế gian, cái Orpheus gọi là *methé aionios* - sự thăng hoa của thế gian, và sự thăng hoa này trên nhiều phương diện xuất hiện của ai còn có nghĩa là sự thăng hoa-của sự sống vĩnh cửu. Nó chạm đến những trật tự vĩnh hằng.

Ai đã bước ra khỏi sự hỗn loạn của đời sống, biết một cái gì đó từ hiện thực thế gian và cất lời, nói ra (*anér periosza eidosz*) người đó là phiên dịch

NIỀM CẢM HỨNG

viên của Thượng Đế (*prophétér, mouszikos, poiétikos, telesztikosz*). Con người này nhạy cảm với Lời Tuyên Bố.

Orpheus cho rằng tất cả những gì xuất hiện từ *methé aionios* đều có thể coi là Lời Tuyên Bố. Bởi vậy theo phái Orfika, Lời Tuyên Bố có thể là vũ điệu, âm nhạc, thi phẩm hoặc điêu khắc, và loại hình nghệ thuật của sự truyền thông giữa con người và siêu nhiên đóng vai trò lớn hơn nhiều so với các loại triết học, khoa học hoặc tôn giáo.

4.

Cái mà Sufi Arập gọi là *ittihad* có tên là sự hợp nhất, vang lên từ một từ nhưng thực ra là hai. Cái tôi yêu là cái tôi biết, cái tôi biết, cái đó tôi yêu. Sự hợp nhất là mối quan hệ kép của tình yêu thương và nhận thức với cái DUY NHẤT.

Điều đặc biệt nằm trọng trong toàn bộ truyền thống là: sự thăng hoa của tình yêu thương và nhận thức, là sự thăng hoa của rượu và tình yêu.

Không chỉ vì trong Thượng Đế có rượu và người đàn bà, mà vì trong rượu và người đàn bà cũng có Thượng Đế, và nếu tôi yêu, tôi yêu

Thượng Đế, yêu rượu và yêu người đàn bà, yêu cái đẹp, yêu thi ca, yêu thế gian và yêu các thiên thần, các con lạc đà (con éch cũng đẹp như thiên thần – nhà thần học người Đức Angelus Silesius nói), bởi vì nếu tôi yêu cái DUY NHẤT, thế gian sẽ chỉ có một, tôi chỉ cần yêu một cái thôi, để có thể yêu được tất cả, và trong tình yêu này bí ẩn của mọi điều mở ra, và tôi nhận biết tất cả, bởi vì tôi đã biến thành cái DUY NHẤT.

Không cần phúc lạc. “Ta nhiều hơn cả phúc lạc của ta” - Ibn Karram viết. “Tôi, kẻ yêu người ấy, tôi là người ấy, và người ấy, kẻ yêu tôi, người ấy là tôi”.

Halladzs tuyên bố. “Cái đẹp của người đàn bà là tia sáng của Thượng Đế, không phải của tình nhân”.

Không cần gì hết chỉ MỘT. “Bất cứ cái gì mi muôn cho ta trên trần thế - Rabia nói - mi hãy chia đều cho mọi kẻ thù của ta, bất cứ cái gì mi muôn cho ta trên thiên đường, mi hãy chia đều cho các bạn bè của ta, và ta hài lòng với mi, với chính bản thân mi”.

Truyền thống Sufi không nói đến các bậc thang kĩ thuật của ekstazis-niềm cảm hứng. Chắc chắn đây từng là một truyền thống truyền miệng trong lúc nhập định truyền lại cho các môn đệ,

NIỀM CẢM HỨNG

nhưng đã bị thất lạc. Cái còn lại là sự tinh táo cao nhất cất giấu trong sự điên rồ của niềm cảm hứng.

Sufi là một giọng nói trong sạch của Lời Tuyên Bố.

Linh hồn khi quăng đi tất cả, lột trần trụi, biết rằng ngoài sự nghèo khó thu được nó không cần đến bất cứ cái gì.

Sufi hiện thực hóa sự đồng điệu. Chỉ Duy Nhất Một mà thôi. "Một khoảnh khắc duy nhất cùng Thượng Đế nhiều hơn sự kính cẩn của toàn bộ nhân loại từ buổi tạo dựng cho đến ngày tận thế của thế gian". - Sibli nói.

Nếu con người biết về cái MỘT này, nó biết tất cả. "Mi là siêu nhiên và mi cũng thuộc về trần thế, tất cả là của mi, cái đã biết, chưa biết, cái vĩnh cửu và cái hữu hạn. Của mi sự sống và hư vô, độ sâu của đất và mái cao của trời là hai bộ quần áo của mi, mi là ánh sáng và sự đối kháng với ánh sáng".

Và vì nó biết tất cả, nó biết niềm vinh quang nào chính đáng nhất, trở thành kẻ chiến thắng trong đời sống và thắng được trò chơi của số phận mang ý nghĩa gì.

Sufi cười trên đầu các vị vua, và nhún vai khi nói đến Pie Đại Đế hay đến Caesar. Sufi biết

niềm vinh quang của các vị vua này nhỏ bé, các nhu cầu, nỗi háo danh của vua chúa và các thủ lĩnh mới nhỏ bé làm sao.

Lớn hơn cả khi “cái MỘT nhận ra cái TOÀN BỘ và nói: ta là Thượng Đế”.

Chinh phục Ấn Độ ư? một khoảnh khắc vững chãi duy nhất nhiều hơn việc giết hàng trăm nghìn người.

Uống rượu. “Người ta nói mi uống tội lỗi, ta uống từ thứ sê trở thành tội không uống. Trước khi ta sinh ra, ta đã thăng hoa trong nó, và ta còn lại như vậy vĩnh viễn, kể cả khi xương cốt của ta đã rửa mục từ lâu”.

Kinh Yoga Patandzsa dạy nhiều hình thức của sự hợp nhất. Là những thực hành khác nhau của kĩ thuật-cảm hứng. Việc thực hiện sự hợp nhất có thể diễn ra bằng con đường nhận thức (*jñāna-yoga*), bằng con đường hoạt động (*karma-yoga*), bằng con đường yêu thương (*bhakti-yoga*).

Bhakti-yoga tuyên bố: “Đời sống chỉ có một giá trị duy nhất đấy là tình yêu thương hướng về Thượng Đế”. Người nào thực hiện điều này, người đó không biết gì khác ngoài trạng thái sống trong niềm vui liên tục và mỗi khoảnh khắc là một giây phút lên thiên đường.

NIỀM CẢM HỨNG

Kĩ thuật-cảm hứng mở ra những con đường sùng bái. Đây là điều ở Ấn Độ người ta gọi là *ekajna*, con đường duy nhất.

Trong truyền thống Sufi, *bhakti-yoga* là sự hiện thực hóa hoàn hảo. “Tất cả ta đều muốn cho mi và vì nó ta không đòi lại bất kì cái gì”. Tình yêu này không phải việc của con tim, không phải việc của tình cảm và của linh hồn, và cũng không phải là nhận thức, cũng không phải việc của tinh thần.

“Có lẽ không thể đặt tên cho nó là một quan điểm - Plotinos viết - người thầy Hi Lạp Sufi, là một dạng nhận thức khác hẳn, một sự gắn bó, một sự đơn giản hóa, tinh thần hóa với nỗ lực cao nhất, để con người trở nên MỘT, và nếu có thể, đứng đối mặt với cái gì mà sự thiêng liêng cất giấu”.

“Trong một ban ngày đen, nhưng lại chính là màn đêm đầy ánh sáng”.

“Ta đi từ Thượng Đế tới Thượng Đế, trong khi ở trong bản thân mình, ta thét lên: Mi là ta”.

5.

Sufi có thể lấy những từ ngữ Ấn Độ để gọi (cái gọi là) *fana*, là thứ biết tạo ra hình thức, và trở

thành một khái niệm quan trọng nhất của kĩ thuật-cảm hứng Arập.

Fana chỉ có nghĩa như sau: lấy đi tất cả những gì không phải là Thượng Đế, lấy đi mọi đặc tính (phụ tùng - *upadhi* - như người Ấn Độ nói), lấy đi cái TÔI cá nhân, thứ phi trạng thái, từ bỏ tư tưởng của đồ vật, là khoa học của hư vô, là sự trôi qua của quên lãng.

Cái mà Mahajana dạy dỗ “Tri thức tiến bộ của trí óc”.

Và đây là khái niệm về cái có thể cảm nhận trong việc tạo ra *fana*: “Thế gian có năm nguyên tố tạo dựng, và bản tính của những thứ này là trống rỗng... Bản tính của mọi sự vật là rỗng, không có bắt đầu, cũng chẳng có kết thúc, không sai sót cũng chẳng hoàn hảo, trong sự trống rỗng này không hình dạng, chẳng giác quan, không tên, chẳng nhận thức, không hiểu biết... Ở đây không có mắt, chẳng tai, chẳng mũi, chẳng miệng, chẳng cơ thể, chẳng linh hồn... Đây là tri thức vượt quá trí óc, và nếu ai đi về phía tri thức vượt quá trí óc này, tri thức hoàn hảo cao nhất sẽ tuôn ra từ nó”.

Cái “trống rỗng tất cả” này (*sarvam śūnyam*) là bậc thang không thể thiếu của kĩ thuật-cảm hứng, để con người có thể bắt đầu sự hiện thực

NIỀM CẢM HỨNG

hóa trong đó. Đây là điểm để vượt qua ranh giới của hiện thực. Mahajana gọi là *bhutahati*, ranh giới của hiện thực.

Từ đây là sự bắt đầu của *mahāśūnyatā* (sự trống rỗng lớn) hay còn gọi là sự phi khách thể. Bởi cái là sự vật, có ở bên ngoài và là khách thể, cái đó không phải là hiện thực, mà là sự trống rỗng. Là sự phản chiếu của những rối loạn của thực thể người.

Khách thể chỉ có nghĩa như sau: là một cái gì trái ngược với con người, như một đối kháng của bản chất riêng, là sự đối kháng và trạng thái chống lại sự đối kháng.

Khách thể không là gì khác ngoài là một hình ảnh hãi hùng của thực thể người sống trong sự tinh táo tăng dần, cái trong giấc mộng số phận nó coi là hiện thực, hay nói cách khác không là gì khác ngoài một phỏng chiếu của ý thức có điều kiện, với nhầm lẫn rằng đây là sự phỏng chiếu về một điều có thực về bản thân, và con người bị tác động từ hình ảnh mộng này.

Tất cả là trống rỗng. Trống rỗng của trống rỗng (*sūnyatā*). Về các sự vật thế là đủ. Mọi vật và mọi sự vật đều trống rỗng.

Trên bậc thang đầu tiên của kĩ thuật-cảm hứng, con người nhận ra cần phải thanh toán với

toàn bộ điều kiện của ý thức và cần hiện thực hóa ý thức vô điều kiện, cần phải biết mọi vật, cái nó thấy, nghe và tiếp cận, kinh nghiệm là sự phản chiếu những hỗn loạn của nó, và việc đầu tiên nó nhận ra, là các sự việc cùng các vật không có nội dung của chúng, không có bản chất và đều trống rỗng, chỉ là những ảo ảnh của ý thức bị tác động từ các giấc mơ và cần phải chấm dứt sự phản chiếu này, hay nói cách khác cần phải thực hiện một ý thức vô điều kiện với mọi tác động.

Bởi vì không chỉ các vật và các sự vật rỗng. Cảm giác cũng rỗng.

“Ở đây không có mắt, chẳng tai, chẳng mũi”.

“Trong sự trống rỗng này không hình dạng, không tên gọi, không nhận thức, không tri thức”.

Sự nhận biết là rỗng. Tri thức cũng rỗng. Sự trống rỗng cũng rỗng. Giấc mơ cũng rỗng, ảo ảnh cũng rỗng, kẻ nhìn thấy ảo ảnh cũng rỗng.

Cần thanh tẩy ý thức và hạ giảm những sự điều chỉnh (*Csitta-vrtti-niruddha*, như Patandzsali tuyên bố).

Sarvam śūnyam có nghĩa là tất cả đều trống rỗng. Nghĩa là nếu con người quay về sự đồng điệu của Lời Tuyên Bố để xuất phát và muôn dự phần với giao tiếp siêu việt, lúc đó nhiệm vụ đầu tiên của nó là thu thập một ý thức không bị

NIỀM CẢM HỨNG

ánh hưởng bởi bất kì tác động nào, nghĩa là từ bỏ mọi điều kiện và thực hiện trạng thái phi khách thể hoàn toàn, trong đó không có các sự việc, các vật và bên ngoài, nhưng cũng không có cả các đặc tính các khả năng, các giác quan, các tư tưởng các cảm giác, và sự bên trong, không có gì hết ngoài sự trống rỗng, và trạng thái rỗng của sự trống rỗng này (*mahāśūnyatā*).

Dạy về sự trống rỗng là kinh Prajñāpāramitāhṛdaya (Bát-nhã ba-la-mật-đa tâm kinh). Và kinh này bình luận bài pháp thoại về hoa sen của Đức Phật. Các Phật tử tìm đến Đức Phật, chào ngài và chờ đợi Đấng Giác Ngộ rao giảng. Đức Phật ngồi yên lặng rất lâu sau đó cho nhổ một cành hoa sen, chìa cho các Phật tử xem và không nói một lời. Không ai hiểu gì cả, duy nhất chỉ có ngài Mahākāśyapa (Đại Ca-diếp) gật đầu và nhìn Đức Phật. Đấng Giác Ngộ nói như sau: Thứ châu báu quý nhất, tri thức siêu trí tuệ ta đã vừa đưa cho các con.

Lời dạy của bài pháp thoại hoa sen là thứ tri thức siêu trí tuệ, là tri thức không lời. Đây là tri thức *silentium mysticum* - Huyền bí thinh không.

Điều kiện đầu tiên của việc tiếp xúc với những thế giới cao hơn là sự im lặng được thực hiện một cách tuyệt đối. Trạng thái phẳng lặng như gương.

Là sự thanh tẩy ý thức từ mọi tác động mọi ảnh hưởng, trước hết là việc bỏ đi mọi nhuơng từ con người. Patandzsali nói, cần phải tiếp tục “thực hành trong hình dung về sự trống rỗng”.

Fana của Arập là phi trạng thái, là sự từ bỏ tư tưởng về vật thể, từ bỏ mọi đặc tính, là khoa học về hư không, là tri thức siêu trí tuệ. Biểu hiện của nó là trạng thái tĩnh lặng như gương. *Fana* là sự hiện thực hóa *silentium mysticum* (phép thuật của sự im lặng).

“Ở đó Nhìn chầm dứt, và cái không thấy dạy sự Thấy”.

“Sống như thể ta sẽ không có cái gì và ta không trở thành ai”.

“Sufi gần với sự im lặng hơn là lời nói”.

“Tôi không phải người Ki tô giáo, không phải người Do Thái, chẳng phải người Ba Tư, cũng không là người đạo Hồi. Tôi không phải người phương Đông, không phải người phương Tây, không phải trên đất liền, cũng chẳng ở dưới biển. Tôi không xuất thân từ đất, cũng chẳng từ các tinh tú. Đất không sinh ra, cũng chẳng do nước, không do không khí cũng chẳng do lửa. Tôi không đến từ thành phố của Thượng Đế, không

NIỀM CẢM HỨNG

đến từ cát bụi, không từ sự sống vĩnh cửu, cũng chẳng từ sự thay đổi vĩnh cửu. Tôi không ở trên thế gian này, không ở thế giới bên kia, không ở thiên đường, không ở địa ngục. Cha tôi không là Adam, mẹ tôi không là Eva, tôi không đến từ vườn Địa Đàng, cũng không từ các thiên thần của vườn Địa Đàng. Vị trí của tôi là phi-vị trí, dấu ấn của tôi là phi-dấu ấn, không thể xác, chẳng linh hồn”.

6.

Sankara định nghĩa sự thức tỉnh như sau: là cái khi xảy ra chẳng có gì xảy ra hết. Sự kiện này, thứ “phi-sự kiện” có ba quá trình.

Quá trình thứ nhất, tôi ngồi trên bờ sông và tôi nhìn thấy chim đậu trên cành liễu, gió thổi cành liễu đung đưa.

Quá trình thứ hai, không cây cũng không chim, không gió cũng chẳng có sông, tôi chẳng ngồi đâu cả, chẳng nhìn thấy gì hết, bởi không có sự Nhìn và không TÔI, kẻ đang nhìn.

Quá trình thứ ba, tôi ngồi trên bờ sông và tôi nhìn thấy chim đậu trên cành liễu, gió thổi làm cành liễu đung đưa. Không có gì xảy ra.

Bước đầu tiên, vị trí tôi có trong đó, tôi ghi khắc sâu vào ý thức của mình toàn bộ. Không chỉ dòng sông, cây liễu, gió và chim.

Tôi nhận ra dạng hình, tính chất của mình, nhận ra những phức tạp của số phận mình những nút thắt đời mình, những khả năng của mình để tháo gỡ chúng, và sự bất lực của mình biết rằng tôi không thể tháo gỡ những kỉ niệm của mình và sự vô tận của những khả năng ẩn náu trong bản thân mình.

Bước đầu tiên: tập trung sự chú ý vào khoảnh khắc tôi đang ở trong đó. Trong bước này mức độ tập trung càng sâu sắc càng quyết định việc thu được cái toàn bộ một cách vẹn toàn.

Bước thứ hai, tôi bắt đầu tháo gỡ vị trí này. Không có vật thể. Cái gọi là khách thể chỉ là mâu thuẫn, đối thủ và sự đối kháng, là cái mà tôi phóng chiếu ra và trong nhận thức mờ mịt của mình tôi coi nó là hiện thực.

Không cây liễu chẳng con chim, đây thuần túy chỉ là màn biểu diễn của tâm trạng lượn sóng của tôi. Nhưng cũng không có cả tâm trạng lượn sóng, chỉ ý thức bị hư hoại của tôi tin vào nó.

Nhưng không có cả ý thức hư hoại và không có cả niềm tin, chỉ là một trạng thái phảng lặng

NIỀM CẢM HỨNG

trong sạch vĩnh viễn, trong đó hình ảnh của toàn bộ sự sống phản chiếu. Nhưng không có tâm trạng, không có gương, không hình ảnh không có sự Thấy. Tất cả rỗng.

Đây là bước thứ hai.

Bước thứ ba, tôi đặt lại vị trí tất cả các đặc tính, khả năng và các giác quan của tôi, biết rằng không có gì khác ngoài sự trống rỗng, tôi đặt lại vị trí các sự vật, cái ý thức hư hoại của tôi, cành liễu, gió, dòng sông cùng con chim, tôi biết rằng đây chỉ là ảo ảnh toàn bộ và vô hiệu lực.

Ý thức đã bước qua giới hạn-hiện thực và thu được thứ tri thức mà Mahajana gọi là thứ tri thức “cứng hơn kim cương” (vajracchedikā-năngđoạn kim cang).

Đá, như một hình ảnh tượng trưng trong truyền thống là thứ không thể hỏng. Trong thuật giả kim, đá của sự thông thái là tri thức tuyệt đối.

Petrus, núi đá. Tường đá Kába. Thứ đá cứng hơn kim cương là nền tảng đá của nền tảng cơ bản.

Là nơi, từ đó nhìn hiện thực. Không có khách thể.

“Niềm tin vào tư tưởng của sự vật không thể nói ra lời”. Nhưng niềm tin trong tinh thần và trong linh hồn càng khó nói ra lời hơn.

“Kẻ là tôi, một sinh linh sống động cho tư tưởng cá nhân là hiện thực, không thể coi là một Bồ Tát”.

Tất cả mọi sự vật đều cần phải bỏ đi, nhưng cái phi-sự vật cũng cần phải bỏ đi nốt.

Kẻ nào coi trọng thế gian cần phải tạo dựng những ý nghĩa không điều kiện, hoặc chỉ có duy nhất một điều kiện của chúng: ý thức hư hoại của con người và sự tinh táo bị lu mờ. Đây là hậu quả của niềm tin đờ đẫn vào thế gian.

“Thế gian không phải là thế gian, vì thế nó là thế gian”. “Tôi không là tôi, vì thế là tôi”.

Ekacitta cứng hơn cả kim cương, nếu dịch sát nghĩa *ekacitta* là ý thức cơ bản, hay nền tảng cơ bản của ý thức.

Đây là thứ ý thức trần trụi “không manh áo quần”.

Giờ đây một lần nữa tôi lại có thể ngồi bên bờ sông, ngắm con chim đậu trên cành liễu đung đưa, bởi giờ đây tất cả những điều này không phải là khách thể và sự tưởng tượng áp đặt và ảnh của một ý thức hỗn loạn nữa. Tất cả giờ đây không còn điều kiện ẩn náu trong đó nữa.

Đây là cái mà tôi nhìn vượt qua giới hạn-hiện thực, là *bhutahatin*.

NIỀM CẢM HỨNG

Đây không còn là tầm nhìn nữa mà như Sufi nói: Nhìn do cái phi-nhìn dạy dỗ, hay nói cách khác đây là một kinh nghiệm cảm hứng.

Cảm hứng chỉ có nghĩa ngần này: đứng bên ngoài. Đứng bên ngoài sự bồn chồn bất an rải tứ phương, và đứng bên trong sự hợp nhất được thực hiện.

“Tôi tự do khỏi chính bản thân tôi, khỏi chính cái TÔI”. Tôi được giải phóng khỏi sự tự do.

“Người nào tin rằng có sinh linh và có sự giải thoát, không thể gọi kẻ đó là Bồ Tát”.

Đây là tri thức cứng hơn kim cương.

7.

Mahajana là một thực hành đời sống cảm hứng. Con người tồn tại ở giới hạn-hiện thực (*bhutahat*), hay nói cách khác nó duy trì đời sống ở mức độ thiền định trung bình (tiếng Sanskrit gọi là *dhyāna*, tiếng Trung Quốc gọi là *cshā*, tiếng Nhật gọi là *zen*).

Hệ quả của trạng thái thiền định là mở ra sự giao tiếp giữa con người và vòng siêu nhiên. Đây là cái gọi là *Vajracchedikā*, ekacitta (Nhất Tâm) là ý

thức trần trụi, là *état primordial* như Gúenon gọi, là sự thông thái con trẻ như Lão Tử dạy, hay là *fana* của truyền thống Sufi. Là hình thái cơ bản của kĩ thuật đời sống. Ý thức có thể đo lường bằng việc ai thực hành niềm cảm hứng như thế nào.

Từ *dhyāna* ở Trung Quốc và Nhật Bản xuất hiện một phiên bản đặc biệt của thực hành cảm hứng mà gần đây nhất T. Suzuki gọi là *zen*. Đây là những tính chất của các thực hành-cảm hứng mà Patandzsali đã khái niệm hóa lúc ban đầu và sau cùng, chúng đi cùng với nhau nhưng mỗi cái trong một trật tự riêng và trọng tâm riêng.

Trong *zen* trọng tâm của sự hoạt động rơi vào *szatori*. *Szatori* là sự thức tỉnh. Không phải sự giải thoát mà là ngộ ra. Một khoảnh khắc là đủ. Kẻ nào từ kinh nghiệm của một khoảnh khắc duy nhất không biết từ bỏ tất cả các hậu quả, kẻ đó không thể cứu vãn nổi. Nhưng nếu nó hiểu ra, nó có thể bình tĩnh “uống trà và ăn cơm” tiếp.

Toàn bộ kĩ thuật *zen* phục vụ cho khoảnh khắc ngộ ra của tinh thần. Một tia chớp, dù không xảy ra cái gì hết.

Ông thầy Hui ke (Huệ Khả) nói với các học trò: Tôi không hiểu *zen*, tôi không thể nói với các trò bất cứ cái gì về *zen*, bởi vậy các trò ở đây chỉ

NIỀM CẢM HỨNG

tốn thời gian mà thôi. Quan trọng nhất, các trò hãy giải quyết bằng chính bản thân mình.

Nhưng càng ngày càng đông học trò đến tìm ngài. Các nhà bác học cũng đến và hỏi: ngài dạy những gì mà học trò đến đông như vậy? - Tôi chưa bao giờ dạy gì và cũng không có ý định thu hút bất kì ai.

Phương pháp đánh thức, như người ta ghi lại, người thầy ứng dụng nó đầu tiên là Lin-csi, khi người ta trịnh trọng bắt bẻ một điều gì đó, ngài kêu to: Kvat!

Đây là từ mà các nhân viên thuế sử dụng khi hành khách đến biên giới, có nghĩa là: Nay có gì cần phải đánh thuế không đấy? Ai, buôn cái gì?

Ở ranh giới những lí thuyết lòng vòng, những câu ấp úng là vô hiệu quả. Cần phải khai thật. Không thể buôn lậu một thế giới quan!

Một giai đoạn của nhập định Ai Cập khi trên ngưỡng cửa con người cần phải giải trình những câu hỏi rất đơn giản và cần phải trả lời ngay lập tức. Ví dụ trên con tàu, buồm hỏi: ta tên là gì? Tay lái hỏi: tên của ta là gì? Kẻ được bước qua không phải kẻ đùa giỡn mà là kẻ trả lời: buồm, hoặc: tay lái. Con người không thể đơn giản hóa hơn.

Một ông thầy dạy nhạc zen nếu muốn nói đến một lí thuyết nhạc nào đấy bèn giờ chiếc đũa chỉ huy lên. Như cành hoa sen của Phật.

Một ông thầy khác gõ trống. Hãy chú ý! “Không dạy dỗ”, “chưa bao giờ ta có bắt cứ sự dạy dỗ nào”. Chỉ có thực hành. Không suy nghĩ.

“Nếu mi muốn nghĩ về nó, mi sẽ nhầm lẫn - Long Đàm nói - Nếu muốn thấy, hãy nhìn”.

Cần nhìn. Cần bước đi. Cần vượt ngưỡng. Cần tỉnh giấc! Cần trở nên tỉnh táo.

“Bạn thân mến ý nghĩ của bạn đừng ngồi ở đâu, không ở trong cũng không ở ngoài. Chớ kiêu ngạo. Chúng ta là những kẻ đang thực hành”.

Nhưng - như Đức Phật nói - giữa chúng ta còn có những kẻ khốn khổ, những kẻ nếu không nghe thấy lời dạy dỗ, họ sẽ lầm lạc. Hãy để họ tự xử lấy mình. Ta không dạy dỗ ai điều gì. Nếu mi muốn thấy, hãy nhìn. Không ngồi lại ở bất kì đâu.

Nếu ai hiện thực hóa những tác động của giây phút giác ngộ, kẻ đó bước qua ngưỡng cửa hiện thực.

“Mi gặp chính bản thân - Hương Nghiêm Trí Nhàn nói. Mi đã từng là kẻ nhầm mắt lại trước hiện thực. Trong zen không có gì cần lời giải

NIỀM CẢM HỨNG

thích. Không thể dạy về zen. Vì zen các kiến thức của mi không tăng lên. Mi chỉ vượt bản thân.”

“Đây là cái gọi là Vajracchedikā là tri thức cứng hơn kim cương, khi con người trở nên tự do từ chính nó, từ sự tồn tại, từ đời sống và từ cái TÔI. Nhưng nếu ai tưởng đó là sự giải thoát, không thể đặt tên nó là tự do.

Sống như thể ta sẽ không có gì hết và không trở thành ai hết - như Sufi nói: “Chỗ của ta là phi vị trí, dấu vết của ta là phi dấu vết”.

Đây là cái Orpheus đặt tên là *aionios*. Không phải kiến thức mà là tất cả những cái gì “gắn với sự sôi nổi cháy bỏng” - *tivra-szamvéganam aszannah* - như Patandzsali viết.

Szatori vứt mọi điều kiện của ý thức đi trong một tích tắc, để sau đó vội vã quay về “uống trà và ăn cơm”, và làm tất cả, như thể chưa hề xảy ra điều gì, nhưng luôn luôn sống trong *szatori*, nói, ngủ, đi lại, làm việc, tranh luận, cãi cọ và lấy vợ sinh con, và không biết nhiều hơn.

“Zen không phải là việc của tôi, mà của đặc tính”.

Bởi vì zen không có nghĩa là tôi thỏa mãn với sự thức tỉnh, tôi hưởng thụ và khoan khoái nó. Còn một cái gì đó mà người thầy zen gọi là hành vi thứ ba.

Tôi ngồi bên bờ sông và ngắm con chim, đây là thứ nhất. Tôi không ngồi đâu cả, không có tôi, và tôi không nhìn thấy gì cả, đây là thứ hai. Tôi ngồi bên bờ sông, một lần nữa tôi ngắm con chim, đây là thứ ba.

Đây là hành vi thứ ba, hiện thực hóa, khi tôi ngồi, ngắm con chim nhưng tôi biết rằng không có tôi cũng chẳng có chim!

Khi tôi đặt toàn bộ ý thức của mình vào việc tôi ăn, ngủ và nuôi dạy con cái. Lúc đó tôi im lặng sâu sắc rằng cái gì đã xảy ra, và tôi đi lại, làm việc, tranh luận, cãi cọ.

Không gì tầm thường hơn bằng luôn luôn tuyên bố sự tinh túng của mình! Người thầy nói rằng nếu ở một ai đó có quá nhiều zen, phát buồn nôn.

Nếu nghe thấy tên Đức Phật, tôi phản đối, một người thầy khác kêu lên.

Kẻ học trò than phiền, từ lúc theo chân thầy tới giờ, thầy chẳng hề nói một câu nào về tinh thần, hay tư tưởng. Người thầy trả lời: Ta luôn luôn dạy mi về các sự việc tinh thần đấy chứ. Nếu ta yêu cầu trà, chẳng nhẽ ta không nhận? Khi mi mang thức ăn đến, ta chẳng ăn hết sao? Khi mi chào ta chẳng nhẽ ta không đáp lại sao?

NIỀM CẢM HỨNG

“Sự trống rỗng, đây là cái TÔI đích thực, đây là tổ quốc chân chính của ta”.

“Zen là cái không có vị ngũ”.

Truyền thống zen không tồn tại trong các buổi tụ họp lớn mà trong (cái gọi là) *mondo*. Nội dung của các *mondo* là mỗi một *szatori*, hay là sự lóe lên. Đây là cái làm cho zen và chủ nghĩa *khasszidizmus* (một nhánh giáo phái của người Do Thái) có họ hàng với nhau.

Mondo là một sự bí ẩn (*zen* gọi là *koan*). Người thầy đưa ra một *koan* và cần phải giải nghĩa. Trong câu hỏi không có nội dung kiến thức, và câu trả lời chỉ đúng nếu con người trả lời bằng một cấu trúc ý thức hoạt động, vượt quá hiện thực. Đây là vấn đề của sự đồng điệu. Mọi truyền thông kiến thức đều sai.

Tôi không đủ đơn giản. Tôi không đủ trống rỗng. “Nếu giữa trời và đất chỉ cần một khoảng cách bé li ti - Một môn đệ zen nói - đủ để chúng tách khỏi nhau vĩnh viễn”.

“Nếu mi dựng lên điều mi muốn bằng cái mi không muốn, tinh thần của mi đau ốm một cách tuyệt vọng”.

“Mi đừng sống ở thế giới bên ngoài, đừng sống ở sự trống rỗng bên trong, điều này chỉ dẫn mi đến hỗn loạn”.

“Một trong tất cả, tất cả trong một”.

Đây là ittihad của Sufi, henosis của Hi Lạp, yoga của Ấn Độ và jihud của Do Thái.

8.

Rất cần thiết nói về ba việc sau đây. Một là sự nhập định, như zen, như chủ nghĩa khasszidizmus nói về ý nghĩa tia chớp lóe cảm hứng của con người.

Tiếng Do Thái gọi là *tesuvah* (Tiếng Hi Lạp: *metanoia*). Người ta còn gọi là sự quay trở về, quay trở về với nền tảng cơ bản. Có thể gọi là sự đổi hướng.

Trong kinh Tora là sự dạy dỗ của các nhà tiên tri, trong Ki tô giáo là sự dạy dỗ của Gioan Thánh Giá: các người hãy quay lại. Đây là khái niệm quan trọng nhất của những người theo phái *esszénus*.

Hai, sự quay trở về này trong zen là kết quả duy nhất của nỗ lực chống lại cái chết. Đây là *szatori* khi hiện thực như một tia chớp chạm đến con người.

Ở người theo phái *khasszid*, *tesuvah* cũng là một tia chớp cảm hứng duy nhất cho ý thức về hiện thực. Nhưng nội dung của tia chớp này không phải một khoảnh khắc nhận thức mà là *éthos*.

NIỀM CẢM HỨNG

Bởi vì trọng lượng của nó không rơi vào sự nhận thức mà rơi vào những hệ quả đạo đức. Tôi vô ích nhận ra hiện thực nếu tôi không đưa mọi hệ quả của nó vào đời tôi.

Tất cả mọi sự nhập định đều là sự hiện thực hóa. Hölderlin cho rằng con người mỗi ngày bảy mươi bảy lần rơi từ trên trời xuống đất. Những người theo phái *khasszid* nói, ai đã giác ngộ, kẻ đó mỗi ngày bảy mươi bảy lần bay từ dưới đất lên trên trời.

Điều thứ ba, tính chất của sự nhập định ở người Do Thái mang tính chất tôn giáo, còn trong zen mang tính chất siêu hình học. Zen dựa trên nền tảng sankhya-yoga-đạo Phật nên dnyanamoksa, tư tưởng “giải thoát nhờ nhận thức” thấm vào nó rất sâu.

Trong truyền thống Do Thái sự giải thoát sau cùng là sự chuyển hóa, xảy ra bằng sự xuất hiện của Messias - Đấng Cứu Thế, con người có thể chuẩn bị cho sự tiếp nhận này nhưng không tác động gì vào sự xuất hiện đó.

Trong zen sự giải thoát chỉ do con người, không hề do ai khác, kể cả do người thầy cũng không. Ở phái *khasszid* sự giải thoát phần lớn do sự ăn năn hối cải mang lại.

Còn trong *zen* tội lỗi, sự ăn năn, chuộc tội chỉ có trong thời gian và khoảnh khắc khi con người bước qua ranh giới hiện thực, lúc đó tất cả những điều này chẳng có ý nghĩa gì nữa.

Bởi vậy ở người Do Thái trong sự nhập định không có gì quan trọng hơn là bản kinh cầu, sự cầu nguyện.

Zen không cầu nguyện mà thiền. Trong chủ nghĩa *khasszidizmus*, *ekstazis* có nghĩa là đi về phía sự trực diện của Chúa (*lifné ha Adon*) còn trong *zen* có nghĩa là đạt tới “kiến thức siêu trí tuệ”.

Theo dấu vết của kinh Kabbala người ta gọi nền tảng cơ bản của phái khasszid là Adam Kadmon. Đây chính là con người trước khi rơi vào sự phạm tội, kẻ mang khả năng tinh thần cao nhất, *nesamah*, sống một cách không rối loạn và đứt đoạn, sở hữu mọi tri thức.

Sự nhập định là việc đạt tới mức độ đời sống cao nhất của con người. Bởi vậy niềm cảm hứng (*ekstazis*) là *hitlahavut* của phái khasszid. *Hitlahavut* không có kí luật của nó.

Truyền thuyết kể rằng một thánh rabbi mất, bước sang thế giới bên kia. Ngài được đưa lên thiên đàng theo công trạng, nhưng giữa đường đi ngài nhìn thấy một cái vạc dầu khổng lồ trong

NIỀM CẢM HỨNG

đó có bao nhiêu con người đang quần quại. Họ là những ai vậy? - ngài hỏi. Đây là những kẻ đến lửa địa ngục còn chưa tới được, người ta trả lời. Ngài rabbi chạy ngay đến cạnh vạc dầu và nhảy ngay vào giữa, ngài nhất định không chịu đi, cho đến tận khi người ta phải dập tắt lửa. Đây là *hitlahavut*.

Nếu đặc điểm của nó là gì, chính là sự đơn giản phi công thức. Như một cơn lốc. Làm cái gì nhiều nhất. Dùng ngay bản thân mình. Xả thân trong ngọn lửa điên cuồng. Không cần phúc lạc, như kinh Sufi nói. Không cần cái Tôi, như giáo phái zen. Điều này chỉ tri thức siêu trí tuệ mới hiểu nổi.

Sự giải thoát không phải mục đích trong sự nhập định *brahman*. Szatori chỉ dùng vào việc con người quay lại với đời sống hằng ngày, lấy vợ nuôi dạy con cái và hoàn thành công việc của mình.

Còn *hitlahavut* dùng để con người biết thực hiện trọn vẹn *avadah*. *Avadah* dịch sát nghĩa là sự phục vụ.

Sau sự giác ngộ ý nghĩa về hệ thống đạo đức của đời sống tiếp theo trong thực hành niềm cảm hứng không ở đâu giống trong chủ nghĩa *khasszidizmus*. Như thế sự giác ngộ chỉ vì sự phục

vụ. Toàn bộ lửa của *hitlahavut* được ứng dụng vào hệ thống đời sống ngày thường.

Lửa của sự giác ngộ bồi bổ cho sự phục vụ thầm lặng này. Không một lĩnh vực nào của đời sống người mà không có sự thể hiện của sự phục vụ này.

Ngài rabbi Sussja thường đi vào rừng và đọc kinh cho Chúa nghe từ *avadah*. Người ta ghi lại trường hợp một người học trò, một đêm tuyệt vọng than với Thượng Đế là ai cũng phục vụ bằng tài năng của họ, riêng anh ta không biết bắt cứ cái gì.

Đột nhiên anh ta nhảy dựng lên và bắt đầu huýt sáo, ngài rabbi đang có mặt ở đó chứng kiến cảnh này bèn trốn đi để “đừng bị thiêu cháy bởi niềm cảm hứng siêu việt của tinh thần Thượng Đế”.

Ở những người rabbi khasszi có truyền thống, đến rạng sáng thứ bảy trong nhà có bao nhiêu tiền phải tiêu hết, phải chia hết cho người nghèo.

Số phận chỉ có nghĩa chừng này: tất cả mọi người đều phải sống trên thế gian trong một thân xác chỉ riêng của nó. Và số phận là một nhiệm vụ, một tác phẩm, cần hoàn thành.

Vadah chỉ có nghĩa ngần này: cần phục vụ nhiệm vụ ấy một cách trung thành. Nếu trong *hitlahavut* tôi hiểu cái gì là cái chỉ tôi làm được

NIỀM CẢM HỨNG

ngoài tôi ra không ai có thể, lúc đó *avadah* không là gì khác ngoài một nhiệm vụ vẹn toàn tôi được trao và trong cái thể xác này với ý thức cao tôi linh hôi, từng bước một, hằng ngày trung thành và bền bỉ hoàn thành.

Câu cuối cùng của rabbi khasszid Baal-Sem Tov là: "Giờ đây tôi đã biết tại sao tôi đến thế gian này". Những người học trò của ngài nói rằng chỉ những kẻ hoàn toàn tinh táo mới nhìn thấy nhiệm vụ cuộc đời của họ và kẻ hạnh phúc là kẻ đến lúc mất đi đã hoàn thành nhiệm vụ của mình.

9.

Chỉ có duy nhất một hệ thống ghi lại một cách liên tục kĩ thuật cảm hứng từ bước đầu tiên cho đến lúc hoàn thành. Orfika và Sufi, Mahajana, zen và Kabbala không chuẩn xác, phương pháp của chúng được sử dụng, nhưng người ta không-hoặc rất ít khi-dạy. Bởi vậy rất nhiều khi xảy ra sự nhầm lẫn thậm chí sự lừa bịp trong ứng dụng những phương pháp trên.

Nhưng kinh Patandzsali Yoga là một kiến thức liên tục và là hệ thống khóa kín, không thể gây ra sự nhầm lẫn.

Yoga là kỉ luật. Bên trong nó không có chút gì của sự say mê. Không có một thực hành nào tinh túng và cụ thể hơn.

Cái đặc trưng cho Yoga chính lại là sự trực tiếp lạnh lùng, cùng với những nhân tố linh hồn và tinh thần trở thành thứ không có gì nóng bỏng hơn, tinh tế hơn, vô hình hơn và rất dễ dàng sử dụng, như khi ta chơi với những con súc sắc.

Yoga quan tâm tới ý thức của sự tinh túng đã bị suy giảm (*ajnama upahitam csitanyam*). Mục đích của nó là đặt sự đờ đẫn của con người ra ngoài (*apavada*) và thực hành sự nhất quán của một tinh thần trong sạch (*jaitanyam*).

Bởi vì điều kiện của tinh thần trong sạch đã hiện thực hóa và việc từ bỏ mọi sự méo mó biến dạng chính là một quá trình cảm hứng cao nhất, là trạng thái phảng lặng như gương, là trạng thái của con người khi tham gia vào sự truyền thông của thế giới Thấp nhất và Cao nhất. Đây là *samādhi* thiên thượng, cái Patandzsal gọi là *nirvikalpa-jñāna*.

Tính chất của thực hành cảm hứng đặc biệt thụ động. Dọn dẹp và quét dọn, giặt, nhóm lửa, chải là, mang xách và đào.

Nền tảng cơ bản trong ai cũng có bởi đó là nền tảng của sự tồn tại của con người. Chỉ vì các

NIỀM CẢM HỨNG

lớp luân hồi đóng thành các lớp bùn lầy đã ngăn cản con người nhìn, và vì thế con người coi ảo ảnh là hiện thực.

Ai cũng có khả năng hiểu về tri thức tổng hợp. Nhiệm vụ là phải vượt qua các quá trình cản trở sự nhận thức. Ý thức, ở thời điểm bắt đầu ứng dụng phương pháp sẽ là đối tượng của kĩ thuật yoga.

“Tách rời với tri thức, nhưng thực chất không hề tách rời, trong một quan điểm nào đây là một bộ phận và cái phi-bộ phận của tri thức đầu tiên và cuối cùng”.

Định nghĩa điều này bằng ngôn ngữ hiện đại: cần phá vỡ cái khái niệm con người tự dựng lên về bản thân nó, và hình ảnh một sinh linh chính là con người không đặt trong dạng hình thân xác mà như một khối năng lượng tinh thần đặc có đặc tính quan trọng nhất không phải là dạng hình vật chất mà là quyền lực của các sức mạnh.

Không phải một vật liệu mang tính vật chất, mà là sự bất lực của các hoạt động quán tính. Con người càng lộn ngược, thanh tẩy, thu nhỏ cái hình ảnh đã hình thành (*rūpa*) và các hình thức ngôn từ nói về điều đó bao nhiêu, ý thức càng sáng rõ hơn bấy nhiêu.

Cần phải cắt đứt mối quan hệ giữa sự vật và cảm giác (*pratjahara pratyāhāra*).

“Sự vật là đù”.

Cần đặt các sức mạnh tập trung vào một cái gì đó (*dhyāna*). Nếu không còn mối quan hệ mang tính chất đồ vật, chỉ còn *dharana* (sự tập trung) con người sẽ bình tâm, bình thản.

Cần phải từ bỏ cái người ta hay nói: tôi thấy, bởi cơ sở của câu nói này là niềm tin trong bản thể.

Trong yoga ai cũng biết tôi không thấy, mà tôi là (sự) nhìn thấy. Tôi không cảm thấy mà tôi là cảm giác. Tôi không phải là khái niệm và vật chất (*nāmarūpa*) mà tôi là khả năng có thể cảm giác được thời gian. Nhưng cảm giác, sự thấy và sức mạnh khả năng này cần phá vỡ. Đây cũng là sự điều chỉnh.

Phương pháp từ bỏ sự điều chỉnh là thiền định (*dhjana-hejasz tad vrittajah*). Người thầy yoga không nhìn thấy dạng hình mà thấy những tia sáng sức mạnh phi vật chất.

Nhân thức vật chất không là gì khác ngoài cái Thấy mờ mịt bởi ảo ảnh bất an mang lại. Nếu con người thanh tẩy các sức mạnh và tập trung tư tưởng, lúc đó quá trình của cái Thấy mờ mịt này chấm dứt.

“Thực hành này đưa đến một mức độ tồn tại khác”.

NIỀM CẢM HỨNG

“Nếu nhận thức tinh thần nắm lấy sự điều khiển, dẫn dắt, lúc đó linh hồn trở nên thức tỉnh”.

“Và không cần làm gì khác nữa”.

Nguyên nhân của sự bấp bênh luôn luôn là: thế giới ảo ảnh của ý thức tinh túc bị suy thoái quấy rầy con người, con người không thể đồng nhất mình với bản chất tinh thần trong sạch, thể hiện trong nền tảng cơ bản (trạng thái uyên nguyên) và không thể làm thấu thị tuyệt đối của mình mạnh mẽ lên.

Cho dù ý thức bị suy thoái đến đâu, vị trí của con người cũng không thể hình dung nổi, rằng sinh linh tinh thần trong sạch lại không bị va đập từ ý thức bị nhầm lẫn bởi ảo ảnh.

Bởi vậy con người nhận ra Lời Tuyên Bố. Con người biết, mà không cần ai dạy, nó biết một cách nguyên sơ rằng thế giới của ảo ảnh không phải là thế giới tinh thần được tập hợp bởi các sức mạnh tập trung, mà chỉ là thế giới của những dạng hình và những tên gọi bất an, vô hướng (*nāmarūpa*).

Và cũng bởi ai cũng biết ảo ảnh có thể tan ra, còn các sức mạnh bất an vô hướng có thể tập trung hóa, các dạng hình và các tên gọi có thể thủ tiêu, và bằng hành động này con người có thể lập lại nền tảng cơ bản.

Nhưng các sức mạnh tinh thần không bao giờ có thể phá vỡ nổi, và con người không bao giờ thực hiện nổi một vị trí nơi họ chỉ nhận biết ra các hình thức và các tên gọi, nơi thông qua đó bản chất cội rẽ của con người không thể không lên tiếng.

Bởi vậy, con người luôn luôn biết đến các ý tưởng. Bởi vậy người Trung Quốc nói sự thật không thể cất giấu.

Cái con người ở trong đó là một thế gian của các khả năng đã thực hành để làm thỏa mãn sự thèm khát đời sống, đó là một thế giới ý thức bị méo mó, đó là thế gian, đúng như nó đang có, một ảo ảnh của kẻ đang nửa thức nửa ngủ từ sự thèm khát đời sống. Đây là một thế gian cần bước ra khỏi.

Bởi vậy người ta gọi *ekstazis* là sự bước ra, là sự đứng bên ngoài, là ở ngoài cuộc. Và bởi vậy người ta gọi đây là sự tự phủ nhận bản thân. Đây là một mạng lưới rối rắm của những đặc tính đã thực hành hóa sự thèm khát đời sống của cái Tôi.

Không cần phá vỡ bản chất thân xác của con người mà cần phá bỏ các lớp rối rắm này. Chúng ta gọi một quá trình khi con người biết bước ra khỏi mạng lưới rối rắm của sự thèm khát sống là *Ekstazis*, khi biết giải thoát mình khỏi sự thống trị

NIỀM CẢM HỨNG

của nỗi thèm khát sống và nhận ra rằng cái sống trong thế giới của sự thèm khát đấy là một loại rối loạn bên ngoài bản thân con người, và có quan hệ với tồn tại thật sự như ảo ảnh với hiện thực.

10.

Nếu niềm cảm hứng (*ekstazis*) xuất hiện, đây là một ánh chớp lóe lên, không phải kết quả của một nhận thức có ý thức không dẫn tới đâu. Đây là những mảnh tách biệt nhỏ, một sự ngây ngất chỉ tồn tại giây lát, làm dấy lên một khoảnh khắc, khi con người nhìn thấu qua một hiện thực xuất hiện một cách ngẫu nhiên, nhưng trước khi kịp hiểu ra, nó quay lại rơi tiếp vào ảo ảnh.

Một tia chớp cảm hứng không thay đổi được cơ cấu ý thức. Không có tác dụng tập trung tư tưởng và thanh tẩy, không gợi lên sự bình tâm và sự đảm bảo. Cứ nhìn mà xem, trừ vài trường hợp ngoại lệ, còn đâu toàn bộ các thi phẩm, âm nhạc, nghệ thuật, khoa học, triết học... chúng như thế nào!

Tính chất của niềm cảm hứng có quy tắc và bầu khí quyển thường xuyên của nó là sự thiền định. Đây là quá trình thủ tiêu những chuyển đổi

ý thức (*dhjána-héjasz tad-vrittajah*). Đây là một viễn cảnh. Đây là một thực hành bình yên hóa.

Quan điểm thường trực của khách thể được chọn lựa sẽ biến bầu không khí thiền định thành sự tập trung và trở nên tĩnh lặng. Thiền định trên đối tượng phù hợp với bất kì trạng thái linh hồn nào (*yathā-abhimata-dhyānād-vā*).

Có ba khách thể lớn, thực chất là ba mức độ, cái TÔI, Thượng Đế và hư vô. Cả ba tiêu chí đều có ý thức. Không có gì quan trọng bằng việc hoàn thành một cách có ý thức sự phóng chiếu ra ngoài, và tạo dựng một khách thể cảm hứng.

Thế gian như con người thấy là sự phóng chiếu ra nhưng không ý thức hóa. Và cũng không phải một sự phóng chiếu của ý thức cá nhân (*Na csa ékacitta-tantram vasztu*).

Thế gian là do ý thức con người phổ quát siêu nhiên phóng chiếu ra. Bởi vậy bước đầu tiên cần phải làm là thay thế khách thể được đưa ra một cách vô thức bằng khách thể có tính toán do sự quyết định tinh táo của con người.

Điều này xảy ra trong nghệ thuật, trong tư tưởng, trong các ngành chuyên môn, trong hành vi, nhưng cũng xảy ra trong một hoạt động mà người ta gọi là nền văn minh.

NIỀM CẢM HỨNG

Con người bỏ đi cái được nhận và thay thế bằng những sự việc chính nó tạo ra. Nhưng sự tạo dựng khách thể trong nền văn minh và trong nghệ thuật cũng không hề có ý thức, đặc biệt không xảy ra vì sự giải thoát.

Truyền thống Ấn Độ nói về *brahmavid* và *majavid*.

Brahmavid là con người tinh táo về mặt tinh thần, còn *majavid* là con người tinh táo trong những công việc trần thế. Chính vì vậy *brahmavid* có nghĩa là người thông thái, còn *majavid* nghĩa là phù thủy.

Bằng việc sáng tạo ra khách thể cảm hứng có ý thức, con người khước từ sự ngẫu nhiên. Bởi thế gian như đang có, là sự ngẫu nhiên đối với con người.

Con người lựa chọn các sự vật sự việc một cách có ý thức và nó tự làm. Nó chỉ chấp nhận cái gì nó thỏa thuận. Không có ngẫu nhiên.

Không có gì tự dung rơi xuống đầu và cần phải chịu đựng nếu nó không muốn. Không cần phải chịu đựng cái gì con người không thấu suốt và suy ngẫm đến tận nền tảng của điều đó.

Mặt khác - và điều này còn quan trọng hơn nữa - con người, vì phóng chiếu khách thể ra đã ý thức hóa tác phẩm của sự phóng chiếu vào bản

thân nó. Sự phóng chiếu này là một hoạt động tồn tại không ngừng, mà con người không hề hay biết và hành động này diễn ra dưới ngưỡng.

Như chúng ta đã biết, bản năng của quá trình này là sự thèm khát sống, và ý thức mờ mịt bởi sự thèm khát trong cơn bất an rải rác phượng bày ra tất cả các khía cạnh của nó một cách liên tục, những thứ này vốn cục, đong đặc lại bắt đầu phản kháng, và toàn bộ trong một, xuất hiện như một thể gian sự vật.

Bằng hành động: tinh táo lựa chọn sự chế ngự các phóng chiếu, con người đã làm cho quá trình này trở nên ý thức hóa.

Nếu chỉ một điểm mờ mịt còn sót lại, các sức mạnh tự nhiên của sự hoạt động như một mầm cây sẽ lại phát triển thành một thể gian mới. Các nỗ lực gắng sức vô ích. Sự hình thành mới của ảo ảnh lại bắt đầu nếu con người không nhổ hết tận gốc rễ của chúng.

Một ý đồ chỉ tinh táo vì niềm cảm hứng và vì lợi ích của niềm cảm hứng. Ngoài ra nó không có ý nghĩa gì. Chúng ta đều biết tất cả đều trống rỗng (*sarvam śūnyam*).

Trong thiền định cần tạo dựng khách thể-cảm hứng, để con người đối diện với bản thân nó bằng đối tượng phóng chiếu ra. Khách thể không phải

NIỀM CẢM HỨNG

là hiện thực, mà là sự chống lại, phản kháng, là kẻ thù và sự mâu thuẫn (*Gegenwurf, Gegenstand*).

Khách thể là thứ để con người phân cực chính bản thân mình. Là cái để nó bám vào và từ bản thân mình nâng mình lên cao. Bởi niềm cảm hứng-*ekstasis* là bước ra, bước ra khỏi mọi sự vật sự việc.

Con người trong thiền định xem xét các sự vật và thế gian không phải như một sự tồn tại hiển nhiên mà như một ý đồ, như một cái gì đó xuất hiện không phụ thuộc vào nó, mà chỉ thể hiện khuôn mặt của kẻ tạo dựng ra nó. Bản thân khách thể trống rỗng. Nhưng ý đồ cũng trống rỗng. Cần phải từ bỏ mọi sự vật *mahajana* tuyễn bố - nhưng cần phải bỏ cái phi-sự vật.

Bởi vậy khách thể-cảm hứng khó nhất, cao nhất và có tác động nhất chính là sự trống rỗng-tính Không.

Mức độ cao nhất của kĩ thuật cảm hứng có quy tắc là quan điểm rõ ràng về hiện thực độc lập với mọi đặc tính của sự vật. Đây là *nirvikalpa szamádhi*.

Người Trung Quốc gọi sự rỗng không này bằng từ *vu*. Đây là *szánkhja aviaktamja*. Đây là *én szof* của người Do Thái và *apeiron* của người Hi Lạp. Là *Ungrund* của Böhme.

Cái vượt qua sự tồn tại và phi-tồn tại. Cái vượt quá khởi sự và phi-khởi sự. Đây là tính Không mà tinh thần cảm hứng rời vào đó. Kẻ được giải thoát là kẻ tắm trong phi-tồn tại.

Những người theo phái khasszid nói về Ábrahám như sau: ngài đi tìm Thượng Đế trên trái đất, không thấy, tìm giữa các vì sao và trên bầu trời, không thấy, tìm trong thời gian và vô tận, không thấy, cùng lúc ấy ngài đã tìm ra Thượng Đế trong những cái ngài đã không thấy.

Một người thầy khác của phái khasszid nói như sau: “Sự tạo dựng ra trời và đất không là gì khác ngoài sự tháo gỡ của một cái gì đấy từ cái KHÔNG, và các thánh, những người hiến dâng cuộc đời họ để bám vào Thượng Đế, họ bám chặt như thể đấy là cái KHÔNG, từng có trước thời tạo dựng. Một lần nữa họ mang trả lại một cái gì đó vào cái KHÔNG”.

“Tất cả những con người chân chính đều được giao một phụng sự sắp đặt sẵn cho nó - Baal Sém Tov nói - nếu con người quay về phía cội nguồn và đạt tới tính Không, nó trở nên sẵn sàng cho sự phụng sự”.

Trong kĩ thuật cảm hứng không có một bước nào không chứa đựng ý nghĩa quan trọng rằng

NIỀM CẢM HỨNG

con người tạo ra một điểm tựa bên ngoài nó để từ đó nó nhân bản thân lên gấp đôi.

Hệ quả của tác phẩm này như thế nào trong việc dạy dỗ về ảo ảnh (*maja*) trong tất cả các truyền thống, hay nói cách khác liên quan thế nào đến một trong những tri thức cơ bản của toàn bộ truyền thống, cho rằng thế gian có thể cảm giác là sự phỏng chiếu của tinh thần, và hệ quả của nó như thế nào trong sự tạo dựng thế gian, như một nhận thức về sự phỏng chiếu ra tinh thần Thượng Đế, điều này trong giây phút này chúng ta cần nhắc đến.

Trong mọi trường hợp cần biết rằng, bằng sự tạo dựng khách thể sẽ làm tăng nhiệt độ của sự tồn tại tinh thần riêng và làm tăng sức mạnh của nó lên gấp đôi.

Bản thân sự sống chính là các mức độ. Tồn tại chỉ có nghĩa là vượt lên khỏi bản thân mình. Đời sống này luôn luôn nhiều hơn chính bản thân nó.

Ekstasis-niềm cảm hứng chỉ có ngần này ý nghĩa: không thỏa mãn với lửa sống và cường độ sống của một đời sống trung bình, mà nâng cao mình lên một cách có ý thức đến một mức độ cao hơn (*samādhi*).

Hiện thực hóa điểm sôi không là gì khác ngoài việc trả lại vị trí cho nền tảng cơ bản (*status*

absolutus) - trạng thái nguyên uyên (état primordiál).

Và trong ý thức nguyên sơ này tất cả rỗng không. Không có khách thể. Không có sự rung động. Đây là trạng thái bằng phẳng như gương.

Sự đồng điệu với Lời Tuyên Bố không thể là cái khác ngoài ý thức tự thu hút vào mình tất cả mọi hình ảnh của đối tượng, và không duy trì cái gì khác ngoài sự nhạy cảm được nâng lên đến mức độ cao nhất.

Không có gì để phóng chiếu ra nữa. THẤY chấm dứt, cái không thấy dạy cái thấy. Con người quay trở về nền tảng cơ bản. Không có bất cứ cái gì xảy ra. Không sự dạy dỗ, không sự quay lại, không sự đạt tới, không sự giải thoát.

“Mi tìm được chính bản thân mi, nhưng ngay từ lúc đầu đã không có gì xa rời mi”.

Đây là cái mà chúng ta không thể diễn tả khác ngoài dùng những từ như người Trung Hoa dùng từ *vu*, người Ấn Độ dùng từ *avjaktam* và người Do Thái dùng từ *én szof*.

NIỀM CẢM HỨNG

11.

Con người sử dụng kĩ thuật cảm hứng để lập lại vị trí ý thức nguyên sơ của sự sống người trong bản thân nó. Bởi vì chỉ sự nhạy cảm ban đầu và cội nguồn của ý thức mới có thể tham dự vào quá trình truyền thông giữa con người và siêu nhiên. Điều kiện duy nhất là không gây áp lực cho ý thức.

Con người sống trong sự bất an phân tán. Ai muốn thực hiện một khả năng nào đấy, cần bước ra ngoài sự phân tán này.

Nguyên nhân của sự bất an phân tán là cơn mộng du (*tasya hetur-avidyā*). Và nguyên nhân của cơn mộng du là nỗi thèm khát đời sống. Đây chính là cái cần thanh toán.

Kết quả của việc thanh toán là sự tinh táo và chỉ sự tinh táo mang lại khả năng con người có thể nghe thấy âm thanh của Lời Tuyên Bô.

Nhưng trong niềm cảm hứng con người không chỉ lập lại vị trí của nền tảng cơ bản mà còn cùng trở thành một phần tố của tri thức này. Tri thức nhận từ vòng siêu nhiên và khác biệt với tất cả các loại tri thức khác.

Đây là sự khác biệt giữa *brahmavid* và *majavid*. Một cái là kinh nghiệm xác thực thu được về hiện

thực, còn cái kia chỉ là ảo ảnh tạm thời và bấp bênh.

Cần phải đặt tên là Lời Tuyên Bố cho sự truyền tải cội nguồn cao nhất mà nền tảng của nó là ý thức bất động, và nội dung của nó là tiếng gọi trực tiếp từ vòng siêu nhiên với con người.

Những tiếng gọi, sự tiếp xúc, bản năng hoặc mệnh lệnh, hoặc lời chỉ dẫn, sự cảnh báo hoặc sự soi sáng đều là nội dung của những cuốn sách thiêng - và không chỉ của những cuốn sách thiêng.

Các vị thánh tồn tại, các nhà tư tưởng, nghệ thuật và thi ca, các nhà thông thái và những nhà nghiên cứu, những người tham dự vào sự tiếp xúc trên, những người nhận được các lời chỉ dẫn và nhận ra bản năng cũng như lời chỉ đường.

Không phải sự kì lạ mà là công việc của sự chuẩn bị. Không có gì bí ẩn, mà chỉ là vấn đề kỹ thuật.

“Ta đã hiểu trên con đường lớn không có gì bí mật”.

Tham dự vào hiện thực hóa nền tảng cơ bản và ý thức về hiện thực không tách rời nhau. Điều kiện của truyền thông đáng tin cậy là một hiện sinh đáng tin cậy. Và điều kiện thực hiện một hiện sinh đáng tin cậy là con người đi theo

NIỀM CẢM HỨNG

những luật lệ đề ra trong các văn bản đã được tuyên bố.

Không có chuyện tự ý sắp xếp lại sự truyền thông xác thực trong hiện sinh người hoặc trên tri thức xác thực.

Từ Hi Lạp *alétheia* cùng lúc mang ý nghĩa là sự thật và sự không che đậy. Cái trái ngược với sự thật, sự che đậy, giấu giếm, hiện sinh giả, đây là một sự tồn tại không hiện hữu.

Là một cái khác. Không phải nó. Một kẻ nói dối. *Verlogen* (giả dối). Sự nhơ bẩn! Sự suy thoái. Không gì đáng tin, cái mà xuất phát từ cội nguồn đó.

Cái con người nói, có quan hệ chính xác với sự thật của đối tượng, đúng như trong mỗi quan hệ với sự thật hiện sinh của kẻ nói ra. Sự tin cậy mang tính chất cá nhân và mang tính chất đối tượng không thể tách rời nhau.

Nếu một người nào đấy vẫn cứ tách chúng ra, đã tạo khả năng cho sự lu mờ hóa tinh thần trong sạch (*dzsaitanjam*) để sự dối trá trong con người trỗi dậy và thể hiện ra bằng sự giả dối. Chỉ âm thanh xác thực của chủ thể mới đáng tin cậy về mặt đối tượng.

Truyền thống luôn luôn đề cao và đặt tên - có thể tin cậy từ quan điểm này. Ở Ấn Độ là Vidwan, ở Judea là Caddik, ở Hi Lạp là Dikaios.

Cả ba từ đều có nghĩa con người chân chính. Hay nói cách khác con người thật sự. Kẻ không có những ý nghĩ giấu giếm, che đậy, sau lưng, không giả vờ, kẻ không nói cái gì khác ngoài cái nó làm, kẻ trong nó không có sự dối trá.

Thánh Phao lô gọi sự nhập định là quá trình sự thật hóa. Với thánh Giăng Tinh Thần Thiêng - *Pneuma téz Alétheiasz* - là tinh thần của sự thật không che đậy. Hiện thực đã được chiếu sáng.

Sự thật hóa chỉ có nghĩa chừng này: bằng quyết định có ý thức bước ra khỏi sự mờ mịt nhiễu nhương, sự bất an phân tán khêu gợi thèm khát sống, và tồn tại trong sự trong sạch không che đậy cội rễ của bản chất.

Tất cả các dạng của kĩ thuật cảm hứng, ý nghĩa của yoga cũng như của Sufi, Orfika, Zen hay Mahajana, Kabbala đều có một không hai, bởi nó không truyền bá tri thức sự vật mà dạy dỗ từ các điều kiện cá nhân thu thập được của tri thức xác thực.

Tri thức sự vật bản thân nó là *majavid*, không chỉ là sự nhầm lẫn, hoặc thiếu sót hoặc giả giữa bất kì môi trường nào. Nó còn tệ hơn thế. Bởi có thể nó đúng có thể không. Bởi vậy nó là sự phù phép.

NIỀM CẢM HỨNG

Sự truyền bá tri thức thuần túy sự vật thiếu những quá trình cá nhân đã được kiểm nghiệm bằng các thực hành đời sống, đặc biệt trong hình thức đang diễn ra ở châu Âu thời hiện đại, như lí thuyết, khoa học, triết học, đều mang tính chất phù phép, như người ta nói: mang tính lịch sử.

Khi những thứ này mới xuất hiện có thể làm người ta lóa mắt, nhưng một thời gian sau nó bắt đầu tan rã, và đọng lại trong con người không gì khác ngoài sự xấu hổ và muối trả thù, vì đã làm lẩn coi trọng một thứ ngớ ngẩn như vậy.

Sự xuất hiện và tan rã liên tục của các lí thuyết và khoa học được đặt tên bằng một từ ưa thích: sự phát triển. Tất nhiên, bản thân sự đặt tên này đã là một lí thuyết, và ranh ranh là một cái tên che đậy của một quá trình ngược lại.

Kĩ thuật cảm hứng cho rằng không có cơ sở nếu thiếu sự xác thực chủ quan của tri thức sự vật. Mọi nền tảng của tri thức là hành vi. Và hành vi xác thực chỉ có một, đấy là nền tảng cơ bản phổ quát (*état primordial*), là thứ mà các con người trung thực - Caddik hoặc Dikaiosz hoặc Vidwan đại diện, là cái mà bằng sự giúp đỡ của tinh thần của sự thật không che đậy nổi con người thực hiện..

12.

Truyền thống nhận biết ra ba con đường hiện thực hóa nền tảng cơ bản. Thứ nhất là Đạo. Phương pháp của nó là vô vi, phi hành động.

Điều này, một cách tất nhiên, là sự tích cực ở mức độ cao nhất. Người ta nói đây là sự thu lại cái Tôi. Không tham dự, không can thiệp, dè dặt, hãy đừng biết thì tốt hơn, thậm chí không biết gì, không có chút gì manh động.

Cái người ta tưởng vô dụng nhất lại là cái có giá trị nhất. Cái hoàn hảo nhất là cái không thể sử dụng vào việc gì. Để yên, cái ngay từ ban đầu đã từng, đã có và sẽ có, tự nó sẽ tự nâng mình lên.

Đạo không dạy dỗ tri thức, cũng chẳng thực hành. Không cần bước ra khỏi phòng, con người vẫn cứ đạo quanh thế gian, sách không cần mở con người vẫn cứ biết hết. Việc cần làm duy nhất, để mặc, như tuyết tan.

Con đường thứ hai để hiện thực hóa nền tảng cơ bản là thuật luyện vàng. Luyện vàng là một phương pháp tạo ra mục đích là sự thăng hoa. Đời sống được thăng hoa có tên: vàng. Tên của tri thức dẫn đến quá trình luyện vàng: đá của các nhà thông thái.

NIỀM CẢM HỨNG

Thuật luyện vàng không hỏi, đời sống con người tại sao rối loạn và tại sao con người vật vờ trong sự đờ đẫn bởi sự uế bẩn bắt buộc. Thuật này tổ chức một quá trình và bằng quá trình này làm tan sự rối loạn và mờ mịt và lập lại nền tảng cơ bản. Giữa các tác phẩm của thuật luyện vàng, quan trọng nhất là việc sử dụng lửa.

Lửa chỉ có nghĩa như sau: tự phủ nhận bản thân, tự tra vấn mình, kỉ luật hóa bản thân, tự kiềm chế.

“Đời sống của kẻ tự phủ nhận bản thân còn lớn hơn tất cả mọi diệu kì của các thánh”.

Ở Ấn Độ người ta gọi là *tapasz*. Con người tự thanh tẩy trong sự tự phủ nhận bản thân, đốt cháy từ mình mọi điều không trong sạch, và biến cái bản chất thành vàng.

Con đường hiện thực hóa thứ ba là kĩ thuật cảm hứng. Đây là lí thuyết phát triển nhất của con đường này, và cũng là thứ kĩ thuật con người phần lớn sử dụng. Kĩ thuật cảm hứng dạy con người bước ra khỏi sự đờ đẫn vô nghĩa một cách có ý thức và đánh thức cái Tôi đích thực của nó nằm dưới vỏ ý thức.

Việc hoàn toàn nhận thức sự vật, hay sự thấy và sức mạnh ý nghĩa của nó cũng không dẫn đến việc giải quyết hoàn toàn tận gốc rễ những câu

hỏi của sự tồn tại, chỉ duy nhất một phương pháp tập trung hóa làm thay đổi bản chất đời sống con người, là thứ khiến con người nhập định vào cái không thể nhận thức được, để bằng toàn bộ trọng lượng của sự tồn tại cá nhân vì từng hành vi của sự thay đổi con người, và phù hợp, thích hợp với nó.

Trong dạng hình được xác định của sự sống người, thuyết tự động mù quáng của nỗi thèm khát sống phi cá nhân luôn luôn cho phép sự quyền rũ của các dục vọng luôn luôn lớn hơn lên. Trong hoàn cảnh đó có thể thu được quyền lực thế gian, của cải giàu có khủng khiếp, lượng kiến thức nhiều nhất, nhưng vẫn không có mảy may một cái gì thay đổi, cho dù con người chỉ có thể tạo dựng đời sống của nó nếu nó thay đổi, hay nói đúng hơn bước ra khỏi sự thèm khát và thực hiện cái Tôi đích thực của nó.

Tác phẩm này là nền tảng của tất cả các tôn giáo. Tôn giáo không đòi hỏi từ con người một cái gì khác và xa lạ, một thực thể lí tưởng cao siêu, mà đòi hỏi chính bản thân con người.

Bởi vì chỉ con người biến thành cái Tôi đích thực mới có thể sống một cuộc đời có thực. Ngoài ra tất cả chỉ là một sự vật vờ buồn bã và mất trí (*samsāra*).

NIỀM CẢM HỨNG

Nhận thức ra sự vật, thiên tài hiểu biết hay nhìn xa trông rộng đều không dẫn đến đâu hết. Tất cả vẫn còn lại trong vòng đói khát đời sống, phân vân, ngập ngừng bởi nền tảng của nó cùng lầm là một tài năng ngẫu nhiên.

Cái nghiêm chỉnh và có giá trị, chỉ trào dâng từ con người xác thực. Bởi vậy nền văn minh con người mang tính chất tạm thời, ngẫu nhiên một cách đau đớn; giữa các sa mạc mọc lên các thành phố thế gian và sụp đổ, tác phẩm của các nhà văn và các nhà thơ như giấy lộn, các tác phẩm điêu khắc biến thành sỏi đá.

Chỉ còn lại cái không thể nắm bắt được, sự thật, sự trong sạch sự xác thực của bản chất con người - Là thứ không cần dõi theo, ghi chép và dựng tượng đài lưu giữ.

Đạo, thuật luyện vàng và kĩ thuật cảm hứng là một trong những bậc thang của sự nhập định brahman.

Brahman là thành viên của đẳng cấp tinh thần. Để một ai trở thành brahman, ở Ấn Độ người ta nói, cần sinh ra lần thứ hai, hay nói cách khác cần thực hiện tác phẩm tập trung hóa làm thay đổi bản chất đời sống người nhất định và trở thành một con người xác thực.

Không thể gọi bất cứ cái gì là tinh thần, chỉ cái nào mà nguồn của nó là con người thật sự mà thôi.

Con người thật sự - Caddik và Dikaiosz - chỉ là một cách gọi khác của nền tảng cơ bản được hiện thực hóa. Chỉ là một hình ảnh khác cái tôi nói ra, nội dung sự thật đối tượng của nó phụ thuộc vào mô hình đúng của đời sống mà tôi sống.

Sự bất an phân tán không phải là hệ quả tất nhiên của bản chất một con người sống cuộc đời xác thực. Con người xác thực, chân chính, đúng, kể cả trong hành động đổ nước ra cốc và uống.

Một môn đồ khasszid đến học ông thầy của mình chỉ để nhìn xem ông ấy xỏ dây giày như thế nào. Cái khác không cần thiết!

Lời Tuyên Bố - sự thể hiện có thể thấy khi một người uống một cốc nước, hay mở một cuốn sách, hay đi cày. Cần phải thu nhận điều kiện tri thức cá nhân về sự thật.

(Viết tại Tiszapalkonya, 1960, tháng Năm, 15)